|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****TỈNH QUẢNG NAM**HDC ĐỀ THI CHÍNH THỨC(*Gồm 04 trang)* | **KỲ THI HỌC SINH GIỎI THPT CHUYÊN****VÀ CHỌN ĐỘI TUYỂN DỰ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA****Năm học 2020 - 2021****HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỊA LÍ** |

**I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

1) Giám khảo chấm đúng như đáp án - thang điểm của Sở Giáo dục và Đào tạo.

2) Nếu có câu nào, ý nào mà thí sinh có cách trả lời khác so với đáp án nhưng đúng thì vẫn cho điểm tối đa của câu, ý đó theo thang điểm.

3) Giám khảo không quy tròn điểm thành phần của từng câu, điểm của bài thi.

**II. ĐÁP ÁN - THANG ĐIỂM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** |  |
| **1*****(3,0 điểm)*** | ***a*** | ***Giải thích tại sao chế độ nhiệt khác nhau giữa vùng chí tuyến và vùng xích đạo.*** |  |
| - Nhiệt độ trung bình năm ở chí tuyến cao hơn xích đạo: Chí tuyến có áp cao, diện tích lục địa rộng hơn đại dương, nhiều hoang mạc và bán hoang mạc; xích đạo có áp thấp, dải hội tụ nhiệt đới, diện tích đại dương lớn hơn lục địa. |  |
| - Nhiệt độ tháng cao nhất, thấp nhất: Mặt trời lên thiên đỉnh ở chí tuyến ngày 22/6 và 22/12 nên các tháng có nhiệt độ cao nhất và thấp nhất là tháng VII, I; ở xích đạo ngày 21/3 và 23/9 nên nhiệt độ tháng cao nhất là IV, X. |  |
| - Biên độ nhiệt độ năm ở chí tuyến cao hơn do hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh gần nhau, ở xích đạo nhỏ hơn do hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh xa nhau. *(do chênh lệch góc nhập xạ và thời gian chiếu sáng ở CT lớn hơn XĐ)* |  |
| - Biến trình nhiệt độ năm ở chí tuyến có một cực đại, ở xích đạo có hai cực đại liên quan đến thời gian hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh gần hay xa nhau. |  |
| ***b*** | ***Tại sao số ngày địa cực ở bán cầu Bắc nhiều hơn ở bán cầu Nam?*** |  |
| - Nêu khái niệm ngày địa cực |  |
| - Số ngày địa cực ở BCB nhiều hơn BCN là do thời gian mùa hạ (mùa nóng) BCB dài hơn BCN. |  |
| - Bán cầu Bắc: Mùa hạ từ 21/3 - 23/9, Trái Đất chuyển động trên quỹ đạo có điểm viễn nhật, sức hút Mặt Trời yếu hơn, vận tốc quay chậm hơn, thời gian dài hơn (186 ngày). |  |
| - Bán cầu Nam: Mùa hạ từ 23/9 - 21/3, Trái Đất chuyển động trên quỹ đạo có điểm cận nhật, sức hút Mặt Trời lớn hơn, vận tốc quay nhanh hơn, thời gian ngắn hơn (179 ngày). |  |
| **2*****(2,0 điểm)*** |  | ***Giải thích tại sao mức tiêu thụ điện bình quân đầu người ở các nước đang phát triển còn thấp. Tại sao hiện nay cần phải ưu tiên phát triển điện từ các nguồn năng lượng tái tạo?*** |  |
| - Tiêu thụ điện thấp: |  |
| + Kinh tế còn kém phát triển, sản xuất nhiều hạn chế, nhất là công nghiệp nên tiêu thụ điện cho sản xuất ít. |  |
| + Chất lượng cuộc sống của người dân thấp, đời sống còn khó khăn nên tiêu thụ điện cho sinh hoạt không nhiều. |  |
| - Hiện nay cần ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo |  |
| + Năng lượng tái tạo gồm: gió, Mặt Trời, địa nhiệt… |  |
| + Năng lượng tái tạo có ưu điểm không cạn kiệt và thân thiện với môi trường. |  |
| + Năng lượng truyền thống (than đá, dầu khí...) cạn kiệt và tác động tiêu cực đến môi trường. |  |
| **3*****(3,0 điểm)*** | ***a*** | ***Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, giải thích tại sao tính nhiệt đới của sinh vật nước ta bị giảm sút.*** |  |
| - Biểu hiện: Ngoài sinh vật nhiệt đới, nước ta còn có những loài cận nhiệt, ôn đới, nhiệt đới khô và cận xích đạo. |  |
| - Nguyên nhân: |  |
| + Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nhưng có cả khí hậu cận nhiệt, ôn đới, nhiệt đới khô, cận xích đạo nên sinh vật đa dạng (các loại thảm thực vật, loài thực vật, động vật tương ứng) |  |
| + Địa hình: chủ yếu đồi núi, có sự phân hóa theo đai cao, có cả đai cận nhiệt và ôn đới. |  |
| + Vị trí địa lí nằm trên đường di lưu và di cư của nhiều loài thực vật và động vật với các luồng Hoa Nam (cận nhiệt đới), Himalaya (ôn đới), Ấn Độ - Mianma (nhiệt đới khô), Inđônêxia - Malai (cận xích đạo) vào nước ta. |  |
| + Con người: Nhập nội, lai tạo các giống loài phi nhiệt đới. |  |
| ***b*** | ***Tại sao đất feralit trên đá vôi tập trung chủ yếu từ Bạch Mã trở ra, đất feralit trên đá badan tập trung chủ yếu từ Bạch Mã trở vào; ở đồi núi có đất phù sa sông, ở các đồng bằng châu thổ sông có đất feralit?*** |  |
| - Đất được hình thành từ nhiều nhân tố, trong đó đá mẹ giữ vai trò quan trọng, đá mẹ khác nhau hình thành đất khác nhau. |  |
| - Đá vôi tập trung chủ yếu từ dãy Bạch Mã trở ra, phía Nam có một số rất ít; đá badan tập trung chủ yếu ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, rải rác một số ít ở Bắc Trung Bộ... |  |
| - Khu vực đồi núi có các đồng bằng giữa núi do phù sa sông tạo nên; ở các đồng bằng châu thổ có đồi núi sót thấp với đá mẹ axit. |  |
| **4*****(3,0 điểm)*** | ***a*** | ***Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân biệt hệ thống sông Thu Bồn và sông Ba (Đà Rằng). Tại sao chế độ lũ trên sông Ba phức tạp?***  |  |
| - Hệ thống sông Thu Bồn: Diện tích lưu vực, đỉnh núi bắt nguồn và cửa sông; hướng sông, phụ và chi lưu; tổng lượng nước, lượng phù sa, chế độ nước. |  |
| - Hệ thống sông Ba (Đà Rằng): Diện tích lưu vực, đỉnh núi bắt nguồn và cửa sông; hướng sông, phụ và chi lưu; tổng lượng nước, lượng phù sa, chế độ nước. |  |
| - Chế độ lũ trên sông Ba phức tạp: |  |
| + Sông Ba nằm ở hai vùng khí hậu tương phản nhau về chế độ mưa: Tây Nguyên, Nam Trung Bộ. |  |
| + Chế độ lũ liên quan đến mùa mưa ở hai vùng. Những năm có lũ ở thượng nguồn và dưới hạ du đã vào mùa mưa, lũ dâng cao rất nguy hiểm. |  |
| ***b*** | ***Tại sao Nam Bộ gần xích đạo hơn nhưng nhiệt độ trung bình tháng VII vẫn thấp hơn Bắc Trung Bộ?***  |  |
| - Nam Bộ có nhiều mưa, xa thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh hơn. |  |
| - Bắc Trung Bộ có gió Tây, gần thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh hơn. |  |
| **5*****(3,0 điểm)*** | ***a*** | ***Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích sự phù hợp giữa phân bố đô thị với phân bố công nghiệp nước ta.*** |  |
|  **\* Cách 1** |  |
| - Các đô thị và trung tâm công nghiệp đều tập trung: |  |
| + Nhiều, quy mô lớn: Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận, Đông Nam Bộ. |  |
| + Tương đối nhiều, quy mô tương đối lớn: Duyên hải miền Trung, Đồng bằng sông Cửu Long. |  |
| + Thưa thớt, quy mô nhỏ: Trung du và miền núi Bắc Bộ (nhất là ở Tây Bắc), Tây Nguyên. |  |
| - Do đô thị hoá gắn liền với công nghiệp hoá; ngoài ra, do đều chịu tác động của phát triển kinh tế - xã hội, lịch sử hình thành, điều kiện tự nhiên... |  |
| **\* Cách 2** |  |
|  Công nghiệp nước ta phân bố không đều nên đô thị cũng phân bố không đều |  |
| - Những vùng có mức độ tập trung công nghiệp cao, qui mô lớn thì mạng lưới đô thị dày đặc, qui mô lớn: Đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận, Đông Nam Bộ. |  |
| - Những vùng có mức độ tập trung công nghiệp trung bình, qui mô vừa thì mạng lưới đô thị cũng tương ứng: Duyên hải miền Trung, Đồng bằng sông Cửu Long. |  |
| - Những vùng công nghiệp chưa phát triển thì đô thị thưa thớt, qui mô nhỏ: Trung du và miền núi Bắc Bộ (nhất là ở Tây Bắc), Tây Nguyên. |  |
| - Do đô thị hoá gắn liền với công nghiệp hoá; ngoài ra, do đều chịu tác động của phát triển kinh tế - xã hội, lịch sử hình thành, điều kiện tự nhiên... |  |
| ***b*** | ***Nguồn lao động nước ta có những cơ hội và thách thức như thế nào trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay?*** |  |
| - Lao động đông, tăng nhanh, cần cù, sáng tạo... |  |
| - Cơ hội: Nâng cao trình độ, tạo nhiều việc làm, tiếp cận việc làm phù hợp, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống… |  |
| - Thách thức: Thất nghiệp, khả năng cạnh tranh yếu... |  |
| **6*****(3,0 điểm)*** | ***a*** | ***Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, giải thích tại sao hoạt động xuất, nhập khẩu của nước ta hiện nay phát triển mạnh.*** |  |
| - Biểu hiện: Tổng giá trị xuất, nhập khẩu tăng nhanh, giá trị xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng *(dẫn chứng)* |  |
| - Nguyên nhân |  |
| + Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; kinh tế tăng trưởng nhanh... |  |
| + Chất lượng cuộc sống ngày càng nâng cao, nhu cầu tiêu dùng đa dạng... |  |
| + Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật ngày càng được phát triển… |  |
| + Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, mở rộng thị trường. |  |
| + Chính sách phát triển hợp lí. |  |
| ***b*** | ***Căn cứ vào bảng số liệu sau, nhận xét và giải thích về diện tích cây lương thực có hạt và cây ăn quả của nước ta giai đoạn 2005 - 2019.*** |  |
| - Nhận xét:  |  |
| + Tổng diện tích có xu hướng tăng, tuy nhiên giảm từ năm 2015 đến 2019. |  |
| + Cây lương thực có hạt: Diện tích lớn, có xu hướng tăng, tuy nhiên giảm từ 2015 đến 2019; chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu, nhưng giảm. |  |
| + Cây ăn quả: Diện tích nhỏ, tăng rất nhanh; tỉ trọng nhỏ, nhưng tăng nhanh. |  |
| - Giải thích: |  |
| + Tổng diện tích tăng: Chủ yếu do tăng diện tích cây cây ăn quả. Từ năm 2015 đến 2019 giảm: Chủ yếu do giảm cây lương thực có hạt |  |
| + Cây lương thực có hạt: Do tác động của chính sách phát triển lương thực và chuyển đổi cơ cấu sản xuất… |  |
| + Cây ăn quả: Do nhu cầu lớn của thị trường những năm gần đây, có nhiều khả năng mở rộng diện tích (chuyển đổi mục đích sử dụng đất, khai hoang...). |  |
| ***7******(3,0 điểm)*** | ***a*** | ***Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, giải thích tại sao ở Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển đa dạng loại hình du lịch.***  |  |
| \* Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều loại hình du lịch: du lịch biển đảo, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa… |  |
| \* Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển đa dạng loại hình du lịch, vì |  |
| - Có tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng: |  |
| + Tài nguyên du lịch tự nhiên: bãi tắm, khu dự trữ sinh quyển, suối nước nóng… |  |
| + Tài nguyên nhân văn: làng nghề, di sản văn hóa, di tích lịch sử…. |  |
| (*Lưu ý:HS phải lấy dẫn chứng cụ thể các loại tài nguyên thì mới được điểm tối đa)* |  |
| - Chính sách phát triển du lịch, nhu cầu của du khách, cơ sở hạ tầng.. |  |
| ***b*** | ***Giải thích tại sao hiện nay Đồng bằng sông Cửu Long cần phải đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng.*** |  |
| - Hướng chuyển dịch: Chuyển đổi mục đích sử dụng một số diện tích lúa; tăng cây ăn quả, cây công nghiệp,... |  |
| - Thích ứng với biến đổi khí hậu (hạn hán, xâm nhập mặn...) |  |
| - Góp phần đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp, tạo nhiều nông sản hàng hóa… |  |
| - Sử dụng hợp lí tài nguyên, phát huy thế mạnh vùng, nâng cao đời sống nhân dân. |  |
| **Tổng điểm toàn bài** |  |

----------HẾT----------